TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2025/DS – ST
Ngày 26 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Châu Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểmnhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyếtđưa vụ án ra xét xử số: 176/2025/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 8 năm 2025, Quyếthoãn phiên tòa số: 252/2025/QĐST - DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1973; thường trú: số H đường số H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/01/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Nhật L, sinh năm 1982; thường trú: số B, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2025 lời khai trong quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn ông Dương Đức T2 trình bày:

Ngày 15/01/2013, bà Nguyễn Nhật L ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp

thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – sau đây gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: loại thẻ Visa Pay Wave Ladies First NOTISSUE, số thẻ: 486265-3343; hạn mức: 15.000.000 đồng; ngày cấp thẻ: 15/01/2013; lãi suất áp dụng/tháng: 2,15%. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 57.190.623 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 67.994.939 đồng. Kể từ ngày 22/10/2017 bà L bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và nhắc nhở, nhưng bà L không có thiện chí thanh toán nợ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, nên ngày 23/12/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 26/09/2025, bà L còn nợ Ngân hàng các khoản sau: dư nợ gốc: 17.407.524 đồng; lãi quá hạn: 53.051.355 đồng; Tổng cộng: 70.458.879 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên dư nợ gốc 17.407.524 đồng, với lãi suất quá hạn 3,225%/tháng (tương ứng mức lãi suất trong hạn 2,15% x 150%), kể từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến thời điểm hiện tại.

Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh buộc bà Nguyễn Nhật L phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/09/2025 là 70.458.879 đồng (bảy mươi triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: dư nợ gốc 17.407.524 đồng, lãi quá hạn 53.051.355 đồng.

Tiền lãi quá hạn tiếp tục được tính kể từ ngày 27/09/2025 cho đến khi bà Nguyễn Nhật L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- *Bị đơn bà Nguyễn Nhật L:* Bà L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, triệu tập yêu cầu đến Tòa án để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng trong suốt quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày

08/9/2025 và ngày 26/09/2025 nhưng đều vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng quy định.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Nhật L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn và theo quy định của Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Nhật L trả lại tiền gốc và lãi theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/01/2013. Bị đơn cư trú tại số:2 khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Đối với đề nghị phát hành thẻ tín dụng nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/01/2013 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Nguyễn Nhật L là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng TMCP S với bà Nguyễn Nhật L thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực và bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo hợp đồng này, Ngân hàng TMCP S đã giải ngân cho bà Nguyễn Nhật L số tiền vay theo phương thức cấp hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng; theo các kỳ sao kê từ tháng 20/02/2013 đến ngày 22/09/2017; tổng số tiền bà L đã sử dụng là 57.190.623 đồng. Đây là hình thức vay trả gốc, lãi hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng đối với khoản vay này, bà Nguyễn Nhật L đã trả được 67.990.939 đồng nợ lãi, phí. Từ tháng 22/10/2017 bà Nguyễn Nhật L không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Nhật L phải trả nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh là có căn cứ.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo cho bị đơn về việc thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ… nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do đồng thời không cung cấp văn bản thể hiện việc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ*

hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Bị đơn có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Nhật L về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo đề nghị phát hành thẻ tín kiêm hợp đồng ngày 15/01/1013 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Nguyễn Nhật L.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Nhật L phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP S do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 147, 157, 228, 238; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn bà Nguyễn Nhật L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc bà Nguyễn Nhật L phải trả cho Ngân hàng TMCP S số nợ phát sinh từ đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/01/2013 tính đến ngày 26/09/2025 số tiền là: 70.458.879 đồng (bảy mươi triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: dư nợ gốc 17.407.524 đồng, lãi quá hạn 53.051.355 đồng.

- Tiền lãi, phí được tiếp tục tính kể từ ngày 27/09/2025 cho đến khi bà Nguyễn Nhật L trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/01/2013.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Nhật L phải chịu 3.522.944 (ba triệu năm trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng. Thi hành án Dân sự Thành phố H trả lại cho Ngân hàng TMCP S 1.641.709 (một triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm linh chín đồng) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

Biên lai thu số 0008080 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16;
- Phòng THADS khu vực 16;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà